

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán thế giới

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trước áp lực chốt lời gia tăng vào cuối phiên ở thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VNM, REE

[Vĩ mô/Chiến lược]

Triển vọng TTCK Việt Nam 2Q2022

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi chốt lời các vị thế ngắn hạn tại vùng giá cao, NĐT có thể mở mua trở lại 1 phần vị thế trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu

07/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,502.35	-1.35
VN30	1,541.96	-0.97
HĐTL VN30F1M	1,540.30	+0.00
HNXIndex	441.61	-1.17
HNX30	802.29	-1.46
UPCoM	115.81	-0.88
USD/VND	22,868	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.67	-5
Lãi suất qua đêm (%)	2.08	+18
Dầu (WTI, \$)	97.20	+1.01
Vàng (LME, \$)	1,926.88	+0.08



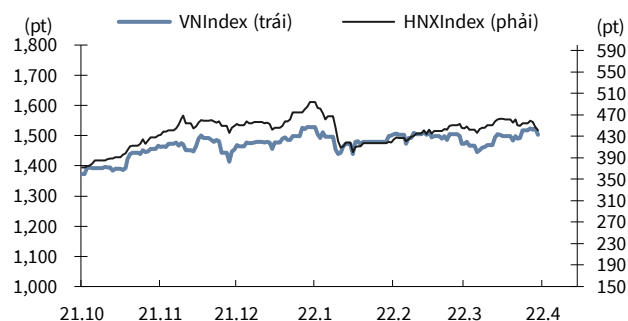
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,502.35 (-1.35%)
KLGD (triệu CP)	795.1 (-9.0%)
GTGD (triệu US\$)	1,187.0 (-9.6%)
HNXIndex	441.61 (-1.17%)
KLGD (triệu CP)	93.4 (-20.1%)
GTGD (triệu US\$)	121.9 (-23.6%)
UPCoM	115.81 (-0.88%)
KLGD (triệu CP)	71.5 (+1.6%)
GTGD (triệu US\$)	51.6 (+1.3%)

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán thế giới sau khi Fed công bố biên bản họp chính sách tháng 3 cho thấy các quan chức đồng thuận giảm quy mô bảng cân đối 95 tỷ USD/tháng và nghiêng về các động thái tăng lãi suất nhanh hơn. Dầu giảm giá khi có số liệu cho thấy lượng dầu tồn kho của Mỹ bất ngờ tăng và các nước thành viên IEA nhất trí xả mạnh dự trữ chiến lược tác động tiêu cực đến cổ phiếu dầu khí ở PVD (-1.9%), GAS (-0.8%). Theo số liệu từ Bộ Công Thương, trong quý I/2022, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng phân bón các loại tăng 183%, do giá phân bón tăng cao và nhu cầu tăng đột biến giúp cổ phiếu ngành phân đạm giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở DPM (+4.2%), DCM (+3.9%). Khối ngoại bán ròng ở VHM (-1.7%), HPG (-1.5%), STB (-1.4%).

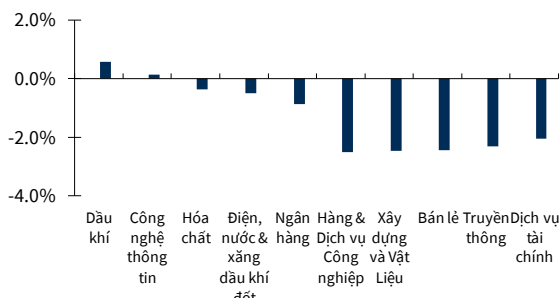
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -23.2

VNIndex & HNXIndex



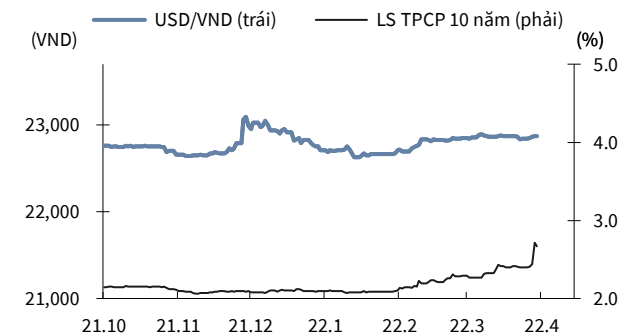
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



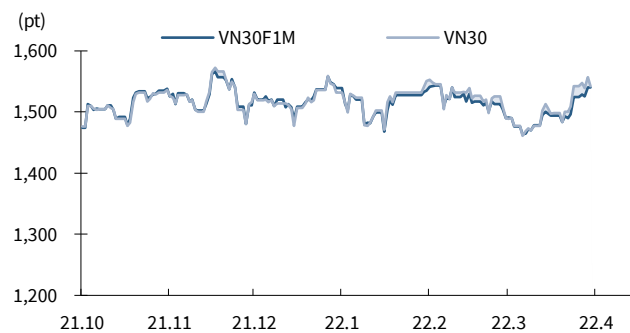
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,541.96 (-0.97%)
VN30F1M	1,540.3 (+0.00%)
Mở cửa	1,543.0
Cao nhất	1,544.5
Thấp nhất	1,529.4
KLGD (HĐ)	145,122 (-23.7%)

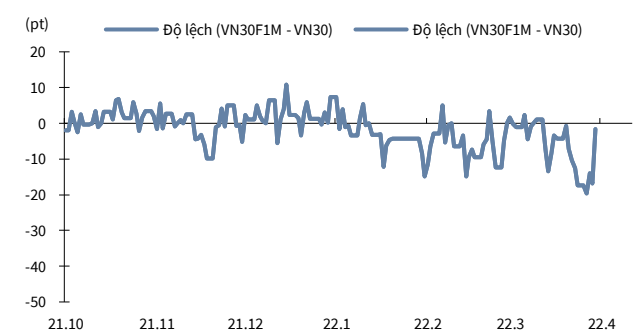
Các HĐTL giảm điểm trước áp lực chốt lời gia tăng vào cuối phiên ở thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 giảm mạnh trong phiên sáng xuống mức -24.6 điểm sau đó thu hẹp biên độ và đóng cửa tại mức -12.16 điểm. Độ lệch giữa F1 và Vn30 tiếp tục duy trì ở mức âm với biên độ rộng cho thấy tâm lý thận trọng nhà đầu tư khi thị trường đang xuất hiện nhiều rủi ro. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

HĐTL VN30F1M & VN30



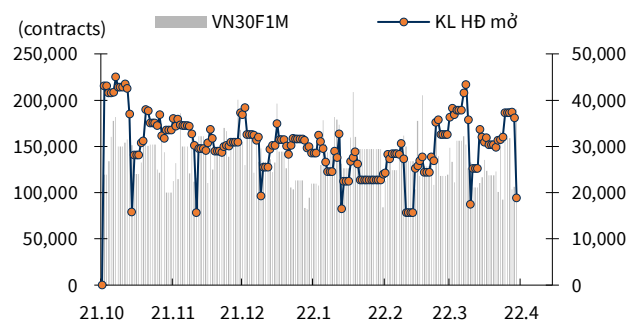
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



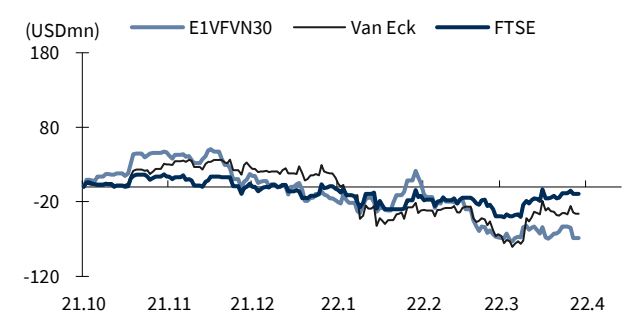
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

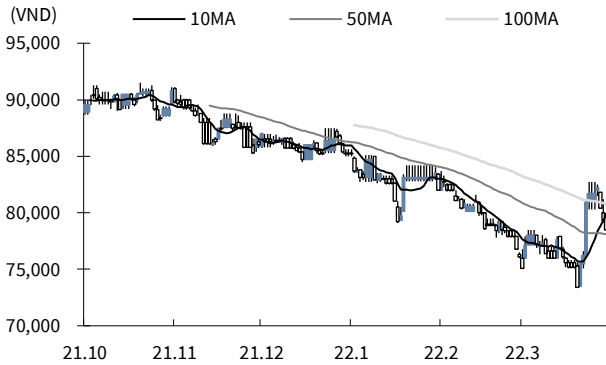
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

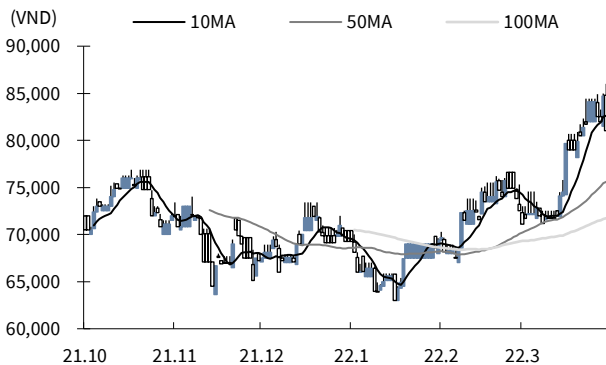
CTCP Sữa Việt Nam (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm 1.1% xuống 78,500 VND/cp
- Vinamilk đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2022 dự kiến là 9,770 tỷ đồng, giảm 8% so với 2021 với doanh thu tăng gần 5% lên 64,070 tỷ đồng.
- Mức cổ tức cho năm 2022 dự kiến vẫn là 38.5% bằng tiền, sẽ tạm ứng đợt 1 với tỷ lệ 15% vào ngày 19/8, chốt danh sách cổ đông vào ngày 7/7.

CTCP Cơ điện lạnh (REE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- REE giảm 4.37% xuống 81,000 VND/cp
- Cơ điện Lạnh thông báo ngày 20/4 là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 10%, thời gian thực hiện là ngày 29/4. Bên cạnh đó, Công ty dự kiến phát hành gần 46.4 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 theo tỷ lệ 15%, thời gian thực hiện dự kiến trong quý II.
- Về kế hoạch kinh doanh năm 2022, REE đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế 2,061 tỷ đồng và doanh thu 9,247 tỷ đồng, lần lượt tăng 11% và 59.2% so với thực hiện năm trước.

Triển vọng TTCK Việt Nam 2Q2022

Yếu tố cơ bản lên ngôi

Chúng tôi điều chỉnh vùng điểm hợp lý chỉ số VNIndex thời điểm cuối năm 2022 xuống 1,680 điểm (giảm so với dự báo 1,760 điểm đưa ra trong báo cáo năm 2022). Cụ thể, chúng tôi điều chỉnh giảm P/E mục tiêu 2022 của VNIndex xuống 16.5 lần (từ 17.5 lần), cũng như hạ dự phóng tăng trưởng EPS bình quân các doanh nghiệp trên sàn HSX xuống 15.1% (từ mức 15.7%) để phản ánh 1 số rủi ro vĩ mô gia tăng.

Xu hướng đi ngang của TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục kéo dài với các nhịp tăng/giảm đan xen trong Q2/2022 khi các yếu tố rủi ro (FED tăng lãi suất, xung đột Nga-Ukraine, lạm phát, lãi suất tăng...) và thuận lợi (kinh tế trong nước phục hồi, gói kích thích kinh tế của Chính phủ, sức khoẻ các doanh nghiệp niêm yết được cải thiện...) dần định hình. Diễn biến thị trường sẽ có sự phân hóa rõ nét, dòng tiền quay vòng và tìm đến nhóm ngành được hưởng lợi từ các điều kiện vĩ mô. Về tổng thể, chúng tôi thận trọng với diễn biến thị trường trong quý 2 khi các yếu tố rủi ro có phần chiếm ưu thế, tuy nhiên duy trì đánh giá các nhịp điều chỉnh của thị trường là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu kỳ vọng sự khởi sắc của thị trường trong nửa sau 2022.

Chúng tôi ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp hưởng lợi từ đầu tư công và đà hồi phục của nền kinh tế (*xem thêm phần V*), bao gồm:

- Nhóm bán lẻ, đặc biệt là hàng tiêu dùng không thiết yếu (MWG, PNJ)
- Nhóm ngân hàng (VCB, BID, CTG, MBB, TCB...) với kỳ vọng cầu tín dụng tăng trưởng cao, nợ xấu được hoàn nhập khi doanh nghiệp phục hồi hậu covid trong bối cảnh các ngân hàng đã chủ động trích lập ở mức cao
- Nhóm doanh nghiệp BĐS nhà ở (VHM, KDH, NLG, DXG ...) và BĐS KCN (KBC, NTC, IDC...) sở hữu quỹ đất nằm gần các dự án trọng điểm
- Nhóm doanh nghiệp vật liệu xây dựng (HPG, DHA...) và doanh nghiệp thi công hạ tầng, giao thông thông minh (LCG, ELC, ITD...) hưởng lợi từ đầu tư công
- Nhóm doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu như dệt may, thủy sản tiếp tục hưởng lợi với kỳ vọng hoạt động sản xuất bình thường trở lại và nhu cầu tiếp tục phục hồi (MSH, STK, ANV...)

Trong năm 2022, Bộ phận phân tích doanh nghiệp của chúng tôi đánh giá tích cực đối với triển vọng các ngành BĐS khu công nghiệp, bán lẻ, thủy sản, ngân hàng, bất động sản, dầu khí, công nghệ thông tin, điện, (chi tiết về triển vọng ngành xem thêm ở phần VI của báo cáo).

Trần Đức Anh

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường
anhtd@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công

Chuyên viên chiến lược đầu tư
congth@anhthd.com.vn

Trần Thị Phương Anh

Chuyên viên chiến lược đầu tư
anhthtt@kbsec.com.vn

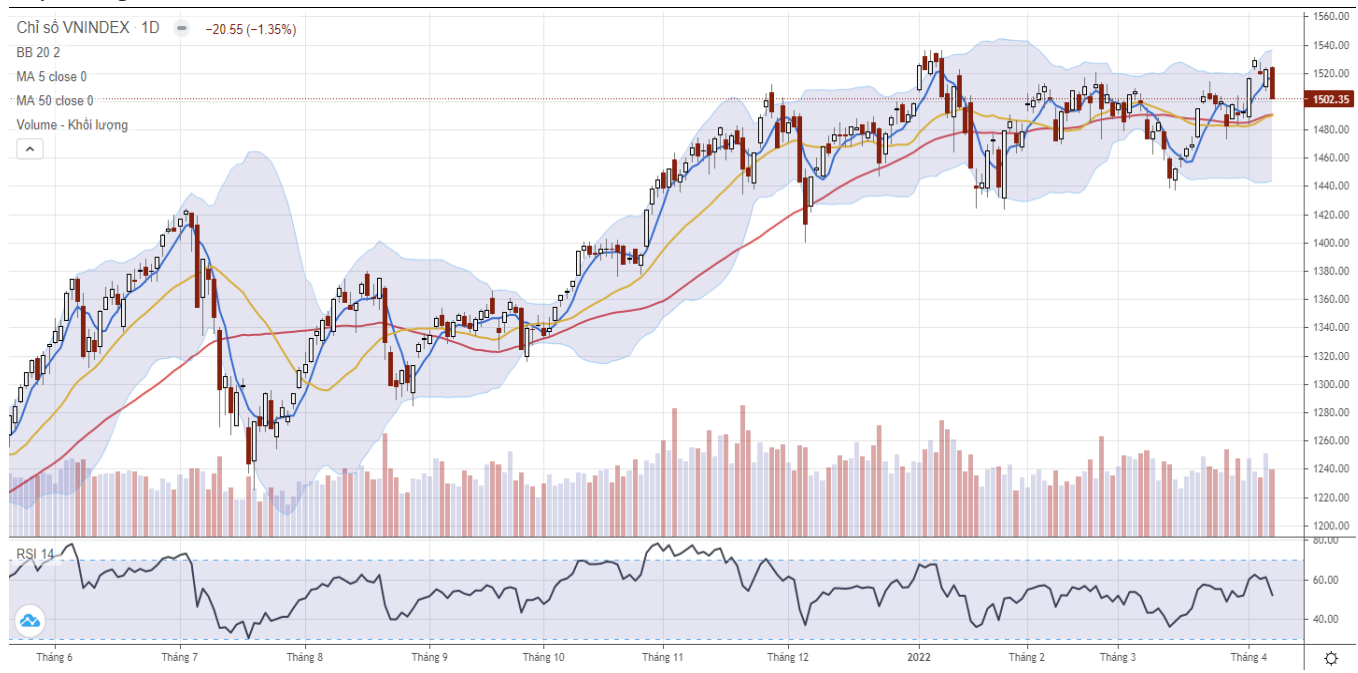
Lê Hạnh Quyên

Chuyên viên vĩ mô
quyenlh@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



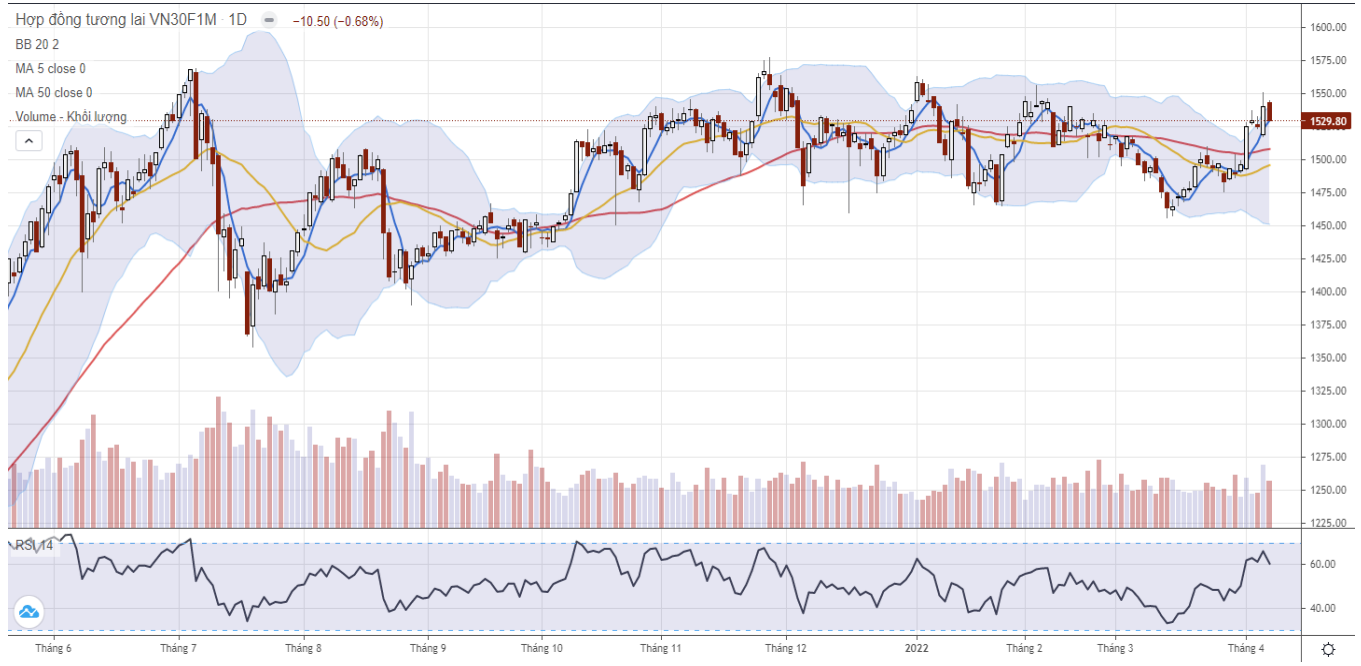
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm nhẹ đầu phiên trước khi suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Thanh khoản tăng cao tại những nhịp sụt giảm trong phiên cho thấy áp lực phân phối đang có phần lãn át và để ngỏ rủi ro xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, chỉ số được kỳ vọng sẽ lấy lại cân bằng và có cơ hội hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ gần quanh 149x.
- Sau khi chốt lời các vị thế ngắn hạn tại vùng giá cao, NĐT có thể mở mua trở lại 1 phần vị thế trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1548 - 1551

Kháng cự gần: 1538 - 1542

Hỗ trợ gần: 1518 - 1521

Hỗ trợ xa: 1506 - 1510

— F1 tăng điểm nhẹ trong phiên phiên trước khi suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.

— Áp lực bán tăng cao trong những nhịp sụt giảm phá đáy để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tiếp theo. Mặc dù vậy, chỉ số được kỳ vọng sẽ lấy lại cân bằng và có cơ hội hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 150x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT tại kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

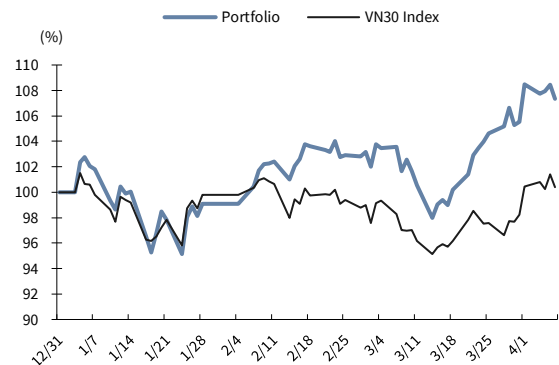
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.97%	-0.99%
Tăng lũy kế (YTD)	0.41%	7.36%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuy ến nghị	Giá đóng cửa 07/04/2022	Tăng/gi ảm trong phiên (%)	Tăng/gi ảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08 /2019	155,000	-2.4%	100.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03 /2022	64,700	4.2%	7.3%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03 /2019	115,100	-2.5%	50.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trạng sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11 /2021	211,300	0.6%	10.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10 /2018	81,000	-4.4%	138.2%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09 /2018	113,300	0.3%	289.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01 /2020	32,550	-0.2%	72.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12 /2020	112,800	-0.8%	53.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12 /2019	46,550	-1.5%	221.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03 /2020	52,100	-3.2%	280.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	-2.0%	6.4%	58.6
TPB	-0.4%	29.8%	31.2
DPM	4.2%	11.1%	28.2
CII	-1.6%	10.5%	21.8
PET	6.9%	3.1%	21.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-1.7%	23.7%	-108.3
HPG	-1.5%	22.0%	-93.0
STB	-1.4%	20.9%	-53.5
PVD	-1.9%	5.6%	-64.1
E1VFN30	-0.2%	92.5%	-169.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.1%	1.3%	6.7
SHS	-4.0%	8.1%	1.1
PVI	-1.2%	57.9%	1.1
TA9	0.6%	7.9%	0.6
CEO	-5.2%	0.5%	0.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.9%	8.4%	-8.3
TNG	-1.3%	1.9%	-5.6
NVB	1.3%	8.2%	-4.5
APS	-4.2%	0.9%	-0.8
THD	-2.7%	1.5%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	5.1%	FPT, CMG
Bán lẻ	4.3%	MWG, AST
Bảo hiểm	3.9%	BVH, MIG
Dịch vụ tài chính	3.7%	VND, SSI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.2%	GAS, POW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.9%	GEX, TMS
Truyền thông	-2.7%	YEG, PNC
Xây dựng và Vật Liệu	-2.5%	VGC, CTD
Ô tô và phụ tùng	-1.6%	TCH, SVC
Du lịch và Giải trí	-1.5%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	17.7%	FPT, CMG
Bán lẻ	14.6%	MWG, FRT
Bảo hiểm	12.5%	BVH, BIC
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.1%	PNJ, MSH
Hóa chất	2.8%	DGC, GVR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-8.8%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-5.2%	HPG, HSG
Truyền thông	-4.4%	YEG, ADG
Ô tô và phụ tùng	-3.1%	TCH, SVC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.8%	PGV, GEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	247,284 (10.8)	22.5	71.9	34.2	14.7	4.4	8.4	3.1	2.8	-1.2	-2.1	1.3	-16.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	314,370 (13.8)	26.6	9.2	7.8	35.9	24.9	23.0	2.0	1.6	-1.7	-1.1	-1.6	-8.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	150,969 (6.6)	17.8	27.6	18.5	-7.6	8.7	11.8	2.3	2.1	-2.8	-2.4	-0.8	8.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	420,908 (18.4)	31.3	30.8	19.3	6.7	15.2	18.7	4.0	3.2	-2.0	5.6	11.3	-7.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	64,996 (2.8)	11.6	23.5	18.9	13.7	13.7	14.4	2.7	2.3	0.2	-3.2	-5.0	0.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	547,110 (23.9)	13.9	18.2	20.1	-	15.0	12.4	2.0	2.4	-4.2	-	-1.2	18.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	95,228 (4.2)	6.3	14.7	12.1	11.7	20.9	21.7	2.8	2.4	-1.9	1.1	-2.2	5.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	102,655 (4.5)	12.7	15.8	11.5	-5.3	17.2	20.2	2.3	1.8	-1.0	-1.0	1.9	16.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	274,012 (12.0)	0.0	8.0	6.6	14.3	21.0	20.6	1.5	1.2	-1.2	-0.5	0.1	-1.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	172,577 (7.5)	1.4	7.9	6.7	50.3	20.3	20.9	1.4	1.2	-0.2	0.3	1.2	-4.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	571,579 (25.0)	0.0	12.0	9.7	18.8	16.3	17.1	1.8	1.5	-0.4	7.0	5.6	11.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	448,851 (19.6)	0.0	8.1	6.7	14.6	23.7	23.2	1.7	1.4	1.0	2.3	4.7	16.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	102,880 (4.5)	4.2	8.0	6.9	23.3	21.8	19.8	-	-	-0.3	1.9	5.5	-6.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	491,079 (21.5)	14.0	11.9	8.2	26.5	13.9	17.8	1.6	1.3	-1.4	0.6	1.3	1.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	182,295 (8.0)	0.0	9.6	7.8	37.4	23.0	22.6	2.0	1.6	-0.4	2.1	5.1	-0.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	22,113 (1.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-	-1.1	-2.3	8.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	81,228 (3.6)	21.0	21.6	18.6	15.8	10.2	11.1	2.1	1.9	-1.2	4.7	9.3	15.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	30,792 (1.3)	14.2	20.6	18.6	9.1	13.1	13.5	2.2	2.1	-2.1	0.2	6.2	-2.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	414,789 (18.1)	55.4	19.7	18.5	-3.2	15.2	15.2	-	-	-1.2	4.9	-5.9	-15.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	149,186 (6.5)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.7	2.0	-8.6	-21.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	126,076 (5.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.3	2.1	-8.2	-23.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	400,156 (17.5)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.4	14.8	13.4	5.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRYP	109,000	227,805 (9,900)	244,390 (10.7)	42.1	16.3	15.0	4.0	31.3	32.9	4.7	4.5	-1.0	-3.0	2.2	-9.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,705 (1.0)	36.9	24.8	20.6	7.3	19.6	21.4	4.5	4.1	-1.8	4.7	7.7	10.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	149,869 (6.6)	16.5	32.7	23.1	-51.9	17.9	23.0	4.8	4.2	-1.8	6.2	-4.6	-11.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	123,853 (5.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	0.5	-3.3	-17.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	135,401 (5.9)	11.0	119.2	24.0	-88.5	6.8	19.8	-	-	-2.8	-2.5	2.1	6.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	210,286 (9.2)	10.8	23.3	20.4	-57.0	12.2	13.6	2.6	2.5	-3.3	-3.8	0.4	18.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	273,519 (12.0)	38.4	11.1	14.5	65.7	14.1	9.3	1.5	1.5	-1.6	2.9	-5.3	-32.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	142,772 (6.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.6	13.9	29.5	-55.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	618,647 (27.1)	37.7	17.7	13.0	-14.4	12.0	15.1	-	-	-2.1	-5.5	11.1	-10.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	85,339 (3.7)	3.6	18.2	13.5	-52.4	4.2	5.4	0.7	0.7	-3.3	11.0	-5.0	-21.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	66,689 (2.9)	0.0	12.6	10.5	-4.5	13.8	14.4	1.7	1.5	-4.4	-0.9	9.8	17.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	89,574 (3.9)	46.1	18.6	17.2	-17.5	20.5	19.5	3.8	3.6	-0.8	4.2	-9.5	17.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,592 (0.9)	31.4	12.9	10.3	-10.5	14.3	15.8	1.6	1.5	0.0	-1.6	1.7	-8.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,835 (0.1)	34.1	15.9	9.9	-5.1	10.1	17.3	1.4	1.3	0.0	-0.5	-1.4	-8.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,004,364 (43.9)	18.0	7.0	6.7	21.9	28.1	23.1	1.7	1.4	-1.5	3.2	-8.9	0.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	495,116 (21.7)	36.5	7.8	16.3	-0.5	32.8	17.8	2.5	3.3	4.2	-3.3	0.3	29.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	402,606 (17.6)	46.5	9.0	13.2	-4.5	29.9	17.6	2.3	2.1	3.9	-4.0	-4.3	12.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	393,400 (17.2)	38.9	5.7	6.5	67.9	24.0	19.9	1.3	1.1	-1.8	0.9	-	16.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	119,712 (5.2)	97.2	17.0	17.1	17.2	7.0	-	1.2	1.1	-4.6	-6.4	-3.0	-13.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	125,008 (5.5)	4.6	20.8	7.8	-51.0	14.1	15.9	2.1	2.1	1.1	2.5	-	10.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	282,656 (12.4)	39.9	32.0	16.5	-11.9	3.3	5.9	1.0	0.9	-1.9	-2.9	-	11.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	139,287 (6.1)	35.9	9.3	7.9	2.2	16.5	16.4	1.3	1.1	0.8	-3.9	15.1	2.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	246,201 (10.8)	0.0	17.3	14.5	14.4	28.4	28.4	4.6	3.9	-2.4	6.3	15.5	14.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	128,826 (5.6)	0.0	19.7	16.1	2.4	20.9	20.8	3.6	2.9	-2.5	4.2	6.6	19.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	13,301 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	10.1	12.7	-2.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	144,363 (6.3)	30.3	19.6	16.5	-75.2	30.7	29.9	5.5	4.4	-2.8	1.3	16.9	51.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	52,420 (2.3)	34.6	10.4	11.8	41.2	35.0	25.3	3.0	2.6	-5.5	-3.6	-4.4	9.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,638 (0.2)	45.4	17.7	16.3	10.7	20.1	19.9	3.3	3.0	-0.1	-4.0	-8.6	-5.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	261,623 (11.4)	0.0	20.4	16.3	15.5	27.3	29.5	4.9	4.2	0.3	5.9	20.8	21.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOI PHAN TICH CONG TY CHUNG KHOAN KB VIET NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.